

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 4669 /BNN-KHCN

V/v: Thông báo chuẩn bị hồ sơ
đăng ký tuyển chọn thực hiện từ năm
2019 thuộc Chương trình CNSH

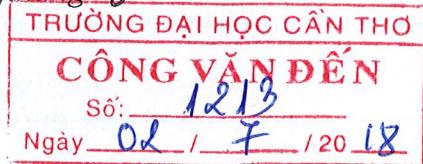
P. AL KH
tên

4/18/2018

Kính gửi: Trường Đại học Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 19 tháng 6 năm 2018



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình công nghệ sinh học nông nghiệp, thuỷ sản từ năm 2019 (danh mục nhiệm vụ KHCN ban hành kèm theo Quyết định số 2155/QĐ-BNN-KHCN ngày 08/06/2018), cụ thể như sau

1. Điều kiện tham gia:

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện quy định tại **Điều 4** của **Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN** ngày 26/6/2017 về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Hồ sơ tham gia xét duyệt (áp dụng các biểu mẫu theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017), bao gồm:

2.1. Hồ sơ pháp lý của tổ chức chủ trì:

a/ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì;

b/ Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì (nếu có);

2.2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia (**Biểu B1-1-DON**);

2.3. Thuyết minh đề tài (**Biểu B1-2a-TMĐTCN**); thuyết minh dự án SXTN (**Biểu B1-2c-TMDA**);

2.4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (**Biểu B1-3-LLTC**);

2.5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (**Biểu B1-4-LLCN**);

2.6. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (**Biểu B1-4-LLCN**), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thuê chuyên gia);

2.7. Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (**Biểu B1-5-PHNC**);

2.8. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (thời gian báo giá

không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Báo giá được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trước thời điểm họp thẩm định kinh phí (nếu cần);

2.9. Báo cáo tài chính của 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định;

2.10. Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia phải có vốn đối ứng. Văn bản cụ thể cần có cho từng trường hợp trong phương án huy động vốn đối ứng như sau:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn tự có để thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: Cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ

c) Đối với trường hợp vay tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng đối với tổ chức chủ trì. Trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, nếu Tổ thẩm định kinh phí có yêu cầu, tổ chức chủ trì bổ sung Hợp đồng tín dụng cho nhiệm vụ với tổng giá trị hợp đồng tín dụng đảm bảo được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

2.11. Tài liệu liên quan khác, nếu tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn và thẩm định nhiệm vụ.

3. Yêu cầu về hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tiếp trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tên, mã số của chương trình - nếu có);
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp);
- Họ tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và danh sách cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

4. Số lượng bộ hồ sơ tham gia bao gồm: 01 bản gốc, 11 bản sao và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu) được đóng gói trong túi hồ sơ

5. Thời hạn nộp hồ sơ tham gia: trước 17h00 ngày 20/8/2018.

Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo thông báo, ngày nhận hồ sơ là ngày ghi của dấu Bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Văn phòng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (trường hợp gửi trực tiếp).

Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ

sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

6. Địa chỉ nhận hồ sơ:

Văn phòng Ban Điều hành Chương trình Công nghệ sinh học nông nghiệp - thủy sản, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng 104 - A9, số 2 - Ngọc Hà, Ba Đình - Hà Nội. Điện thoại: 024.37347132/024.8436817.

Mọi thông tin chi tiết xem trên trang web <http://www.agrobiotech.gov.vn> và <http://www.omard.gov.vn/>.

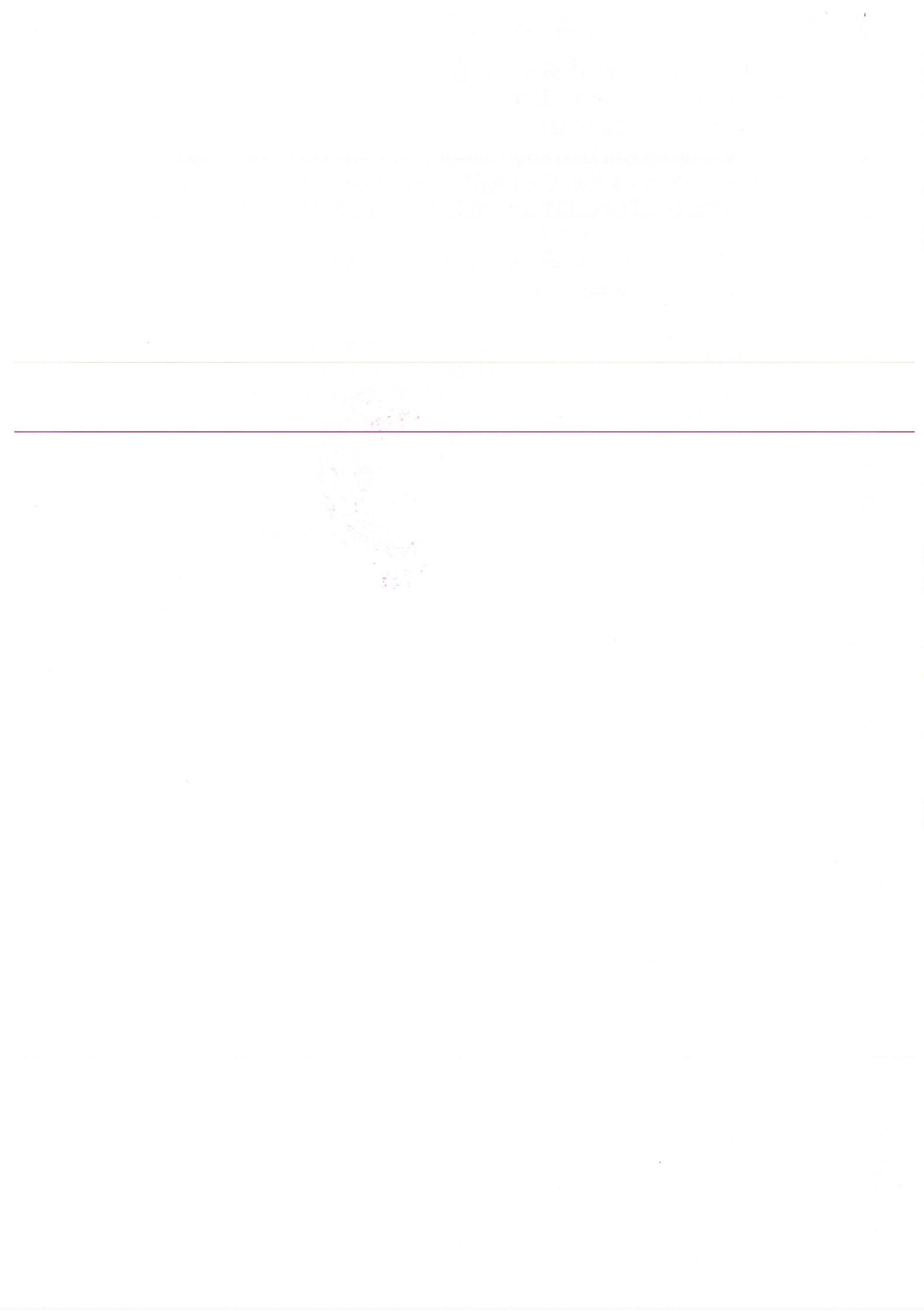
Noi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHCN. (DHL 406)

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Thanh Thủy



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN đưa vào tuyển chọn và giao trực tiếp thực hiện từ năm 2019 thuộc Chương trình Công nghệ sinh học Nông nghiệp - Thủy sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TTg ngày 12/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thuỷ sản đến năm 2020";

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào tuyển chọn và giao trực tiếp bắt đầu thực hiện từ năm 2019 thuộc "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020" và "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thuỷ sản đến năm 2020" (*chi tiết các phụ lục đính kèm*).

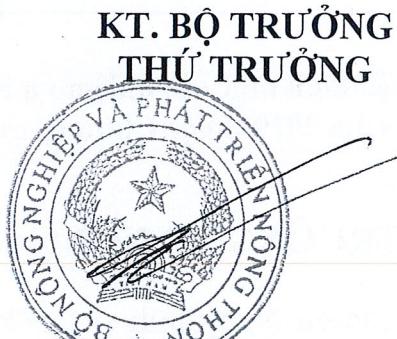
Điều 2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KHCN căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng đề cương, thuyết minh tổng thể nhiệm vụ KHCN theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng đơn vị có liên quan, Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (ĐHL 30b)



Lê Quốc Doanh

Phụ lục 1:

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHIỆP ĐƯA VÀO TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN TỪ NĂM 2019
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC NÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-BNN-KHCN ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Mục tiêu	Kết quả, sản phẩm dự kiến đạt được	Ghi chú
I. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC NÔNG NGHIỆP				
1.	Nghiên cứu tạo giống ngô kháng bệnh lùn sọc đen bằng chỉ thị phân tử	Chôn tảo được một số dòng ngô triển vọng, có khả năng chống chịu bệnh lùn sọc đen nồng suất cao bằng chỉ thị phân tử	<ul style="list-style-type: none"> - 1-2 chỉ thị liên kết chặt với gen kháng bệnh lùn sọc đen. - 2-3 dòng bổ mẹ triển vọng, chống chịu bệnh lùn sọc đen (cấp 1-2), nồng suất ≥2 tấn/ha. - Quy trình ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo dòng ngô chống chịu bệnh lùn sọc đen. 	
2.	Ứng dụng GWAS để xác định tập đoàn giống lúa đặc sản Việt Nam có phẩm chất tốt và mùi thơm.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bản đồ phân ánh alel mục tiêu trên 12 nhiễm sắc thể của hệ gen lúa. - Xác định nguồn vật liệu cho gen “waxy” đa dạng GT (độ hóa hò) và GC (độ bền gel). - Xác định nguồn vật liệu cho gen “<i>fgr</i>” so sánh trình tự với chuỗi DNA tham chiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ cơ sở dữ liệu về kiểu hình, kiểu gen (tình trạng phẩm chất) các giống lúa đặc sản đại diện cho các vùng sinh thái. - Bộ giống lúa đặc sản cho các vùng sinh thái. - Xác định 10 – 15 mẫu giống lúa đặc sản làm vật liệu lai phục vụ mục tiêu chọn tạo giống lúa phẩm chất gạo ngon. - Cơ sở dữ liệu các gen/QTL liên quan đến các đặc tính chất lượng của các giống lúa đặc sản. 	
3.	Nghiên cứu chọn tạo giống chè đà bội năng suất cao phục vụ chế biến chè đen xuất khẩu	Tạo được dòng chè đà bội từ các giống chè chính có năng suất cao, chất lượng tốt cho chế biến chè đen	<ul style="list-style-type: none"> - 10 – 20 dòng chè đà bội được chọn tạo mới có năng suất cao, chất lượng tốt làm vật liệu chọn giống. - 1 – 2 dòng chè đà bội triển vọng, có năng suất cao hơn 15 % so với giống phổ biến và có khả năng đưa vào sản xuất. - 3000 – 5000 cây <i>in vitro</i>/dòng chè đà bội. - Quy trình nhân giống <i>in vitro</i> chè đà bội. 	
4.	Nghiên cứu sản xuất vắc xin nhí giá vô hoạt phòng bệnh cúm A/H5N1 và bệnh Newcastle cho gà.	Ché tạo thành công vắc xin nhí giá vô hoạt phòng bệnh cúm gia cầm A/H5N1 và bệnh Newcastle cho gà.	<ul style="list-style-type: none"> - 100.000 liều vắc xin nhí giá vô hoạt, vô trùng 100%, đạt tiêu chuẩn TCVN 8684:2011, an toàn 100%; tỷ lệ bảo hộ ≥ 80% với Newcastle ≥ 80% với các chủng vi rút cúm A/H5N1, thê độc lực cao, biến chủng (Clade) 1.1 và 2.3.2.1C, độ dài miễn dịch ≥4 tháng, được cơ quan có thẩm quyền kiểm nghiệm. - Quy trình ché tạo, sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản và sử dụng vắc xin. 	

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Mục tiêu	Kết quả, sản phẩm dự kiến đạt được	Ghi chú
5.	Nghiên cứu sản xuất vắc-xin phòng bệnh viêm phổi thê kính Glasser do vi khuẩn <i>Haemophilus parasuis</i> gây ra trên lợn và đánh giá được hiệu quả phòng bệnh <i>Haemophilus parasuis</i> gây ra trên lợn.	Sản xuất được vắc xin phòng bệnh viêm phổi thê kính Glasser do vi khuẩn <i>Haemophilus parasuis</i> gây ra trên lợn và đánh giá được hiệu quả phòng bệnh <i>Haemophilus parasuis</i> gây ra trên lợn.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ giống gồm các type huyết thanh đại diện của vi chủng <i>H. parasuis</i>, đủ tiêu chuẩn dùng để sản xuất vắc xin đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. - 5.000 liều vắc xin, vô trùng 100% theo tiêu chuẩn TCVN 8684:2011; Độ an toàn 100%; có khả năng bảo hộ chéo, tỷ lệ ≥ 80%, độ dài miễn dịch ≥ 5 tháng; độ dài bảo quản ≥12 tháng, được cơ quan có thẩm quyền đánh giá kiểm nghiệm. - Qui trình sản xuất, kiểm nghiệm, bao quản và sử dụng vắc xin qui mô phòng thí nghiệm. 	
6.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất ché phẩm kháng thể trong phòng và trị bệnh tiêu chảy cấp (PED) cho lợn con theo mẹ	Sản xuất thành công ở quy mô phòng thí nghiệm ché phẩm kháng thể dùng phòng và trị bệnh tiêu chảy cấp (PED) ở lợn con theo mẹ đạt hiệu quả cao	<ul style="list-style-type: none"> - Qui trình gây tối thiểu dịch sản xuất kháng thể PED đạt hiệu quả cao và có phổ tác dụng phòng trị bệnh (rộng) chống lại nhiều biến chứng khác nhau của vi rút PED gây bệnh lưu hành tại Việt Nam. - Công nghệ sản xuất ché phẩm kháng thể đặc hiệu dùng trong phòng và trị bệnh tiêu chảy cấp (PED) ở quy mô pilot, được hội đồng KHCN Bộ công nhân. - 10.000 liều sản phẩm và có phiếu kiểm nghiệm xác nhận chất lượng của phòng thí nghiệm chuyên ngành (Đạt tiêu chuẩn vô trùng 100% theo tiêu chuẩn TCVN 8684:2011); Độ an toàn 100% trên lợn thí nghiệm; Hiệu quả phòng và điều trị bệnh đạt ≥ 70%, Độ dài bảo quản ít nhất 6 tháng từ ngày sản xuất, ở 2 -8°C; sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền đánh giá kiểm nghiệm. - Qui trình kiểm nghiệm, bao quản và sử dụng ché phẩm ché phẩm. 	
7.	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ vi nhân giống sa nhân tím SNT.HB.18.01	Hoàn thiện được quy trình vi nhân giống và sản xuất cây giống sa nhân tím SNT.HB.18.01 quy mô công nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình nhân cây giống sa nhân tím SNT.HB.18.01 bằng phương pháp nuôi cây in vitro, quy mô 500.000 cây/năm. - 500.000 cây giống sa nhân tím SNT.HB.18.01 đạt tiêu chuẩn xuất vườn. - Tập huấn và chuyển giao công nghệ cho ít nhất 03 đơn vị sản xuất. - 03 mô hình trồng cây sa nhân tím, quy mô 2 ha/mô hình. 	
8.	Dự án SXTN: Sản xuất vắc xin vỗ hoát nhũ đậu phòng bệnh <i>Mycoplasma gallisepticum</i> cho gà đạt tiêu chuẩn, có giá thành hạ hon sản phẩm cùng loại nhập khẩu.	Sản xuất được vắc xin vỗ hoát nhũ đậu phòng bệnh <i>Mycoplasma gallisepticum</i> cho gà đạt tiêu chuẩn, có giá thành hạ hon sản phẩm cùng loại nhập khẩu.	<ul style="list-style-type: none"> - 01 chủng vi khuẩn <i>Mycoplasma gallisepticum</i> ổn định, có tính kháng nguyên cao phù hợp với các chủng lưu hành tại Việt Nam và có tính miễn dịch cao để sản xuất vắc xin đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. 	

TT	Tên nhiệm vụ KH-CN	Mục tiêu	Kết quả, sản phẩm dự kiến đạt được	Ghi chú
			<p>- 500.000 liều vắc xin vô hoạt nhũ dầu đạt tiêu chuẩn, vô trùng (100%), an toàn (100%), và hiệu lực ($\geq 75\%$), thời gian bảo hộ ≥ 5 tháng, được cơ quan có thẩm quyền đánh giá và cấp phép thương mai.</p> <p>- Quy trình sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản và sử dụng vắc xin vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh <i>Mycoplasma gallisepticum</i> ở gà</p>	
II	ĐỀ ÁN CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỦY SẢN			
9.	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm nitơ trong ao nuôi thảm canh tôm thẻ chân trắng	Xây dựng được quy trình công nghệ và sản xuất được chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm nitơ (NH_3 , NO_2) trong ao nuôi thảm canh tôm thẻ chân trắng.	<p>- Bộ chủng giống vi sinh vật: 06 chủng oxy hóa ammonia và khử nitrate, an toàn sinh học, hiệu quả chuyên hóa nitơ $\geq 95\%$.</p> <p>- Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh qui mô 100 kg/mẻ.</p> <p>- 500 kg chế phẩm vi sinh xử lý nước ao nuôi tôm, mật độ tế bào $\geq 10^9$ CFU/g, tan hoàn toàn, thời gian bảo quản ≥ 12 tháng ở nhiệt độ thường.</p> <p>- Bộ hồ sơ đủ điều kiện đăng ký sản phẩm lưu hành.</p> <p>- 01 mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thảm canh ứng dụng chế phẩm, quy mô $> 5000 \text{ m}^2$. Hiệu quả xử lý ô nhiễm nitơ đạt theo TCVN 01-19:2014/ Bộ NN&PTNN (Hàm lượng $\text{NH}_3 \leq 0,3 \text{ mg/lít}$). Tăng năng suất tôm nuôi thảm canh $\geq 10\%$.</p>	
10.	Nghiên cứu chế tạo vắc-xin nhí giáp phòng bệnh gan thận mù (do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i>) và xuất huyết (do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i>) trên cá tra qua phuong thức cho ăn và ngâm	Tạo được chủng giống gốc để chế tạo thành công vắc xin phòng bệnh gan thận mù và bệnh xuất huyết trên cá tra qua phương thức cho ăn và ngâm góp phần phát triển nuôi cá tra bền vững phục vụ xuất khẩu.	<p>- Tạo được chủng giống gốc để chế tạo thành công vắc xin phòng bệnh gan thận mù và bệnh xuất huyết trên cá tra qua phương thức cho ăn và ngâm góp phần phát triển nuôi cá tra bền vững phục vụ xuất khẩu.</p> <p>- 02 chủng vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> và <i>Edwardsiella ictaluri</i> làm giống gốc đại diện, ổn định, có tính kháng nguyên, tính sinh miễn dịch cao phù hợp các chủng lưu hành tại Việt Nam để sản xuất vắc xin vô hoạt cho ăn, ngâm.</p> <p>- 1.000.000 liều vắc-xin vô hoạt nhũ dầu nhí giáp, đạt tiêu chuẩn: vô trùng và an toàn 100%, tỷ lệ bảo hộ RPS $> 70\%$, thời gian bảo hộ ≥ 90 ngày.</p> <p>- Bộ hồ sơ đủ điều kiện đăng ký sản phẩm lưu hành</p> <p>- Quy trình sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản và sử dụng vắc xin.</p>	

